

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND huyện Gio Linh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 66/CV-KS ngày 17/8/2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị; văn bản giải trình, bổ sung chính sửa báo cáo số 110/CV-KS ngày 14/11/2023 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1099/TTr-PTNMT ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị, địa chỉ tại Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy nâng cao chất lượng và nghiền Zircon siêu mịn với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy nâng cao chất lượng và nghiền Zircon siêu mịn.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200042669 cấp lần 1 ngày 10/06/2001, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 25/02/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.
- 1.4. Mã số thuế: 320042669.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:
 - Dự án có diện tích 12.616 m².
 - Công suất: 4.500 tấn sản phẩm/năm.
 - Thời gian hoạt động: 50 năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 12 năm 2023 đến ngày 05 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

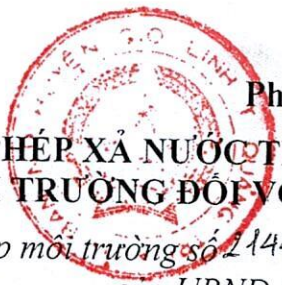
Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng Thông tin điện tử huyện Gio Linh;
- BQL Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Đức Hóa



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2144/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt của 30 CBCNV; Lưu lượng lớn nhất 1,4m³/ngày đêm. Trong đó, lượng nước thải đen là 0,98 m³/ngày.đêm và lượng nước thải xám là 0,42 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải đen sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

- Nước thải xám sau khi được xử lý bằng bể tách dầu mỡ sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

2.2. Vị trí xả thải:

- Nước thải đen: Tọa độ: X: 1.857.186m; Y: 591.007m (hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).

- Nước thải xám: Tọa độ X: 1.857.199m; Y: 590.996m (hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt: 1,4 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục (8 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	TDS	mg/l	1.200
5	H ₂ S	mg/l	4,8

6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải đen được thu ống PVC Ø110 và dẫn qua bể tự hoại 3 ngăn để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

- Đối với nước thải xám được thu ống PVC Ø100 và dẫn qua bể tách dầu mỡ để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

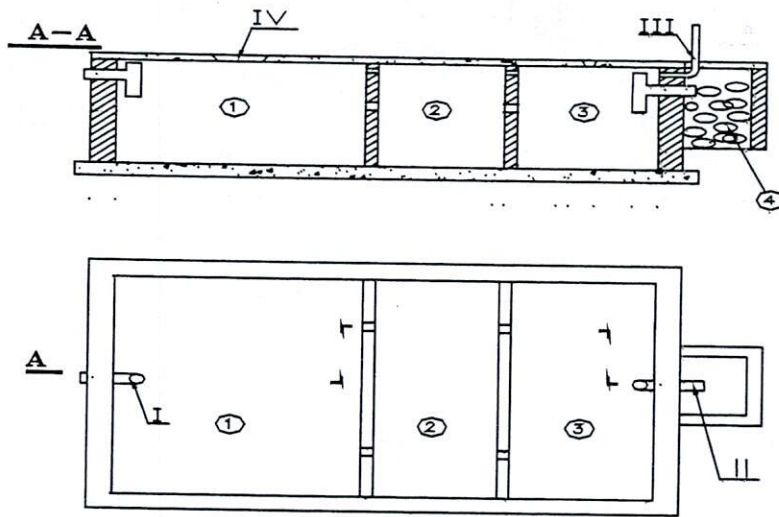
* Nước thải từ nhà ăn

Để xử lý nước thải từ nhà ăn, chủ cơ sở đã xây dựng bể tách dầu mỡ 2 ngăn có kích thước (D×R×C) = (2×1×1)m để xử lý. Bể được xây dựng sau khu vực nhà ăn, có cấu tạo bằng BTCT, nắp đáy đan thép. Lượng nước thải sau khi qua bể tách dầu mỡ sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang khi hệ thống này đi vào hoạt động.

* Nước thải từ hoạt động tắm rửa, vệ sinh

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 30 CBCNV, chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 12m³ ở sau nhà làm việc để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn. Mô hình bể tự hoại như sau:



Hình 1. Mô hình hầm tự hoại

Ghi chú :

- I- Ống nước vào
- II- Ống nước ra
- III- Ống thoát khí
- IV- Nắp vệ sinh
- 1. Ngăn chứa
- 2. Ngăn lên men
- 3. Ngăn lắng cặn
- 4. Ngăn lọc theo ống dẫn ra môi

Tổng thể tích bể tự hoại là $2,8 + 3,7 = 6,5 \text{ m}^3$. Hiện tại, chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại có thể tích là 12m^3 nằm sau nhà làm việc. Nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quán Ngang sau khi hệ thống này đi vào hoạt động.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không có công trình xử lý môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) trước khi thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2144 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống khói lò sấy quặng 1.
- Nguồn số 02: Khí thải từ ống khói lò sấy quặng 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Tại ống khói lò sấy quặng 1. Tọa độ: X: 1.857.117m; Y: 591.007m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiều 3°). Khí thải được dẫn trực tiếp ra môi trường, lượng bụi phát sinh được dẫn qua bể để thu hồi.

- Nguồn số 02: Tại ống khói lò sấy quặng 2. Tọa độ: X: 1.867.940m; Y: 589.034m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiều 3°). Khí thải sau khi qua bể hấp thụ bằng nước sẽ thoát ra môi trường.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: Lượng bụi phát sinh được dẫn qua bể để thu hồi. Khí thải sẽ thoát ra môi trường với lưu lượng lớn nhất là 1.345 m³/h.

- Nguồn số 02: Khí thải sau khi qua bể hấp thụ bằng nước sẽ thoát ra môi trường với lưu lượng lớn nhất là 1.494 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Tự thoát ra môi trường không khí.

2.2.2. Chế độ xả thải: xả thải theo ca làm việc.

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($K_p = 1$; $K_v = 1$), cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) $K_p=1$; $K_v=1$
1	SO ₂	mg/Nm ³	500
2	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
3	CO	mg/Nm ³	1000
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	200

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Lượng bụi phát sinh trong quá trình sấy quặng tại lò sấy 1 được dẫn về bể thu bụi có kích thước (1,5×1×1,5)m.

- Lượng khí thải phát sinh tại lò sấy 2 được dẫn vào bể hấp thụ khí thải có kích thước (2,5×1,5×1,5)m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tại lò sấy quặng 1, lượng bụi trong quá trình sấy quặng được dẫn về bể thu hồi bụi có kích thước (1,5×1×1,5)m để xử lý. Lượng khí thải phát sinh từ quá trình đốt củi được dẫn ra môi trường bằng ống khói cao 5m, D=0,3m.

- Tại lò sấy quặng 2, chủ cơ sở đã xây dựng bể hấp thụ khí thải có kích thước (2,5×1,5×1,5)m với dung dịch hấp thụ là nước. Khí sạch được thoát ra môi trường tự nhiên bằng ống khói có chiều cao 5m, D= 0,3m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả khí thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục.

1.3.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

a. Quan trắc khí thải

- Vị trí giám sát:

+ Khí thải tại ống khói lò sấy quặng 1.

+ Khí thải tại ống khói lò sấy quặng 2.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Bụi, NO₂, CO và SO₂.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Cột B; K_p=1, K_v=1 QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

b. Giám sát môi trường lao động

- Vị trí quan trắc: Tại khu vực sản xuất trong nhà máy

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, độ rung, SO₂, NO₂, CO, liều bức xạ.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; TCVN 6866:2001.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Cơ sở có các công trình xử lý khí thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đồng thời, theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/TTT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, Chủ cơ sở sẽ lấy mẫu 3 ngày liên tiếp tại đầu ra hệ thống xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý. Cụ thể:

TT	Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy 1	12/2023	01/2024	1.345m ³ /h
2	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy 2	12/2023	01/2024	1.494m ³ /h

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí quan trắc:

+ Vị trí 01: Tại ống khói lò sấy quặng 1.

+ Vị trí 02: Tại ống khói lò sấy quặng 2.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Thông số quan trắc: Bụi tổng, NO₂, CO và SO₂.

- Tần suất quan trắc:

+ Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

- Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Khí thải sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 19:2009/BTNMT (Kp=1, Kv=1) trước khi thải ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2144/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tại khu vực thực hiện dự án

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm:

Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Bảng 1. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 27:2010/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	85	-	70
2	Độ rung	dB	-	75	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị như bôi trơn dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động để máy móc hoạt động trong tình trạng tốt nhất và nghiêm cấm sử dụng các loại xe đã quá hạn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ).

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2144 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023
của UBND huyện Gio Linh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Trong quá trình sản xuất, chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu bao gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, các loại động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng,... với khối lượng phát sinh trung bình khoảng 6,8kg/tháng.

- Trong thành phần khoáng vật titan, ngoài Zircon, Rutil còn có khoáng vật chứa nguyên tố phóng xạ là quặng monazit với khối lượng khoảng 5 tấn/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Cát tách ra từ công đoạn tuyển đãi quặng được thu gom tại sân bãi, với tỷ lệ thu gom khoảng 8% so với khối lượng nguyên liệu đầu vào. Lượng nguyên liệu đầu vào tại nhà máy là 15,7 tấn/ngày thì lượng cát thải phát sinh là: $15,7 \text{ tấn/ngày} \times 8\% = 1,2 \text{ tấn/ngày}$.

- Cặn lơ lửng và bùn lắng từ bể lắng nước phát sinh khoảng 1,2 tấn/6 tháng.

- Bao bì hư hỏng từ công đoạn đóng gói sản phẩm phát sinh thực tế khoảng 2kg/ngày.

- Chất thải là tro phát sinh từ quá trình đốt củi của lò sấy, lượng tro chiếm 0,5 - 2% lượng củi đem đốt. Với khối lượng củi đem đốt cung cấp nhiệt cho lò sấy là 3 tấn/ngày, vậy lượng tro phát sinh là 15 - 60 kg tro/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 30 CBCNV tại nhà máy. Lượng CTR chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ với khối lượng thực tế khoảng 4kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

CTNH phát sinh sẽ được thu gom vào thùng chứa 120 lít có nắp đậy, dán nhãn phân loại sau đó được lưu giữ tại kho CTNH với diện tích 45m² nằm ở góc phía Tây của nhà máy. Công ty đã ký hợp đồng với công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama Quảng Ngãi về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý CTNH với tần suất tối thiểu là 01 lần/năm.

Hiện nay, công ty đã xây dựng kho chứa Quặng monazit có diện tích 20m² tại góc phía Tây của nhà máy, kết cấu xây dựng bằng tường gạch đôi dày 1m, trát vữa xi măng

75#. Sau khi thu gom đủ khối lượng sẽ được xuất khẩu.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Cát tách ra từ công đoạn tuyển đãi quặng được thu gom và phủ bạt che chắn kỹ sau đó đưa về mỏ titan tại xã Vĩnh Tú và Vĩnh Thái để hoàn thổ mặt bằng.

- Cặn lơ lửng và bùn lắng từ bể lắng nước được thu gom và vận chuyển về mỏ titan tại xã Vĩnh Tú và Vĩnh Thái để hoàn thổ mặt bằng.

- Bao bì hư hỏng từ công đoạn đóng gói sản phẩm được thu gom và hợp đồng với Đội vệ sinh môi trường xã Gio Quang mang đi xử lý.

- Chất thải là tro phát sinh từ quá trình đốt củi của lò sấy được dùng để bón cây xanh trong nhà máy hoặc thu gom và thuê Đội vệ sinh môi trường xã Gio Quang mang đi xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Hiện tại cơ sở đã bố trí thùng chứa rác 120 lít đặt tại khu nhà ăn, nhà làm việc, sau đó hợp đồng với Đội vệ sinh môi trường xã Gio Quang thu gom, mang đi xử lý với tần suất 02 ngày/lần.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Dự án sẽ bố trí nhân viên thay phiên nhau quét dọn, thu gom rác thải hàng ngày. Toàn bộ lượng rác thu gom, lưu giữ trong thùng rác, bố trí gần khu vực văn phòng và tại nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Cơ sở đã có Giấy xác nhận nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy công trình nhà máy Ilmenite hoàn nguyên và Nhà máy nâng cao chất lượng và nghiền Zircon siêu mịn số 589/NT-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04 tháng 08 năm 2016.

- Hiện tại, trong nhà máy đã bố trí 25 bình chữa cháy xách tay loại MFZ24, 1 họng chữa cháy vách tường, 1 trụ nước chữa cháy, 3 tiêu lệnh PCCC bố trí tại cổng bảo vệ, nhà kho nguyên liệu, xưởng sản xuất, nhà lò sấy, tuyển tinh, kho sản phẩm phụ và tinh quặng.

- Nhằm đảm bảo an toàn PCCC, người đứng đầu Công ty đã quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các nội dung sau:

+ Ban hành, niêm yết nội quy PCCC tại các phòng, nhà máy, bộ phận. Đồng thời thành lập các đoàn kiểm tra thường xuyên, đôn đốc CBCNV thực hiện nghiêm chỉnh nội quy PCCC.

+ Tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức chấp hành các quy định về PCCC đến từng CBCNV. Đồng thời thường xuyên lồng ghép việc tuyên truyền, nhắc nhở thực

hiện tốt công tác PCCC thông qua các buổi họp giao ban hàng tuần, hàng tháng, triển khai công việc tại đơn vị.

+ Hệ thống dụng cụ, thiết bị PCCC được kiểm tra thường xuyên, qua đó Công ty đã kịp thời mua bổ sung, thay thế những thiết bị đã bị hỏng nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

+ Hệ thống giao thông phục vụ chữa cháy luôn đảm bảo thông thoáng, nước, cát, bình khí chữa cháy được dự trữ luôn đầy đủ số lượng bố trí trong nhà máy theo thiết kế và quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn PCCC.

+ Hàng hóa sắp xếp gọn gàng, không cản trở thoát nạn, thuận tiện cho việc di chuyển ra ngoài và chữa cháy, đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy.

+ Thành lập lực lượng PCCC của Nhà máy, tổ chức huấn luyện cho lực lượng PCCC và CBCNV theo đúng quy định. Đồng thời, tổ chức triển khai hướng dẫn quy trình, cách sử dụng phương tiện PCCC tại Nhà máy cho từng CBCNV.

+ Cán bộ phụ trách Nhà máy cũng thường xuyên nhắc nhở công tác PCCC cho CBCNV trong toàn đơn vị trong các buổi họp giao ban hàng tuần, hàng tháng và chấp hành theo quy định của Luật PCCC.

+ Tổ chức hướng dẫn cho CBCNV sử dụng ứng dụng “Báo cháy 114” trên điện thoại di động Smartphone và theo dõi, quan tâm các thông tin của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH trên các phương tiện truyền thông.

+ Được sự hướng dẫn của các cơ quan chức năng cộng với việc tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến từng người lao động công tác PCCC của đơn vị nên trong 10 năm qua tại Nhà máy không có sự cố cháy nổ nào xảy ra.

2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh Chủ cơ sở sẽ thực hiện tốt các công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe như sau:

- Chủ cơ sở đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu các chất ô nhiễm, tiếng ồn, khí thải phát sinh góp phần làm giảm thiểu tác động đến sức khỏe của CBCNV và người dân xung quanh.

- Thực hiện tốt các nội quy, quy định về an toàn lao động, cụ thể như sau:

+ Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao tay nghề cho CBCNV, tập huấn về an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong cơ sở theo quy định hiện hành.

+ Thực hiện tốt các biện pháp an toàn lao động đối với thiết bị dùng điện, kho chứa nhiên liệu.

+ Thực hiện các quy định phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý

chuyên ngành.

+ Kiểm tra đầy đủ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định của Bộ Y tế.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân phù hợp với từng vị trí, điều kiện làm việc theo quy định.

+ Xây dựng nhà xưởng rộng rãi, cao ráo tạo nên không khí thoáng mát tại xưởng làm việc.

+ Các phương tiện cá nhân của CBCNV, xe chuyên chở nguyên vật liệu sản phẩm ra vào phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

3. Giảm thiểu tác động do sự cố thiên tai

Để phòng chống sự cố thiên tai, mưa bão gây ra, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Trước khi có bão lũ xảy ra, chủ cơ sở sẽ thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố khác có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ, sạt lở đất.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố xảy ra yêu cầu cán bộ thông báo kịp thời đến ban hoặc cán bộ quản lý của khu xưởng để kịp thời huy động lực lượng và đề xuất phương án ứng phó.

4. Phòng ngừa, khắc phục sự cố thu gom, xử lý và chảy tràn nước thải sản xuất

Để hệ thống thu gom nước thải hoạt động ổn định và hạn chế sự cố hư hỏng, chảy tràn, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng hệ thống đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo công suất xử lý.

- Thường xuyên bố trí cán bộ kiểm tra và vệ sinh tuyến thoát nước, thu gom rác thải tránh hiện tượng tắc nghẽn hệ thống và hạn chế tối đa sự cố như rò rỉ nước thải.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ cho các máy móc thiết bị, bảo dưỡng các bể xử lý như tiến hành quét hồ chống thấm để đảm bảo cho hệ thống được sạch sẽ, ngăn nắp.

- Tiến hành nạo vét lượng bùn thải để đảm bảo hệ thống được hoạt động ổn định và có hiệu quả.

- Điều chỉnh chế độ bơm cho phù hợp với công suất của hệ thống xử lý, Các thiết bị xử lý phải có thiết bị dự phòng.

5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố và phương án duy tu, bảo dưỡng, thay thế hệ thống xử lý khí thải

Để hệ thống xử lý khí thải được hoạt động ổn định và phát huy tối đa hiệu quả xử lý, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Luôn bảo trì, kiểm tra lò sấy quặng một cách thường xuyên và liên tục, kiểm tra chất lượng khí thải đầu ra của hệ thống để có những giải pháp vận hành tốt hơn.
- Cấp nước đảm bảo *dung dịch hấp* phụ luôn có đủ thể tích trong bể.
- Thường xuyên kiểm tra các ống thoát khí, các khớp nối, tránh tình trạng rò rỉ khi chưa qua hệ thống xử lý.
- Làm vệ sinh bể chứa *dung dịch hấp* thụ và bể thu hồi bụi định kỳ 1 năm/lần.